TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 715/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhoán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Lê Huy Hoàng;

2. Bà Lê Phi Yến.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Hải V, sinh năm 1990. Địa chỉ: Đường S, Phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1987; địa chỉ: Đường H, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1983. Địa chỉ: Đường S, Phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2019 và bản tự khai ngày 20/01/2020 nguyên đơn bà Đỗ Thị Hải V trình bày:

Bà và ông D tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 56/2013, quyển số 01/P15, cấp ngày 26/3/2013 tại Uỷ ban nhân dân Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình chung sống khoảng 05 năm đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên kể từ đầu năm 2017 đến nay, cả hai liên tục phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, bất đồng quan điểm sống, bất đồng về cách nuôi dạy con, tính tình không hợp nhau. Bà V nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Đỗ Phương D, sinh ngày 13/02/2014. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung : Không có.

- Theo bản tự khai ngày 11/3/2020 bị đơn ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị Hải V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 26/3/2013 tại Uỷ ban nhân dân Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống bà V lấy lý do đi học ở Hà Nội và toàn bộ chi phí học do ông gánh vác nhưng bà V lại ngoại tình hết người này đến người khác nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà V.

Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Đỗ Phương D, sinh ngày 13/02/2014. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con. Ông đồng ý.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung : Không có.

Tại phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Hải V và ông Nguyễn Tiến D có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Đỗ Thị Hải V có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tiến D, địa chỉ: Đường S, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hải V, ông Nguyễn Tiến D, ông Phạm Ngọc T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng

mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 56/2013, quyển số 01/P15, cấp ngày 26/3/2013 tại Uỷ ban nhân dân Phường 15, quận Tân Bình cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Hải V có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tiến D là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bản tự khai của bà V và ông D đều có ý kiến trình bày hai vợ chồng sống chung với nhau có nhiều mâu thuẫn bà V yêu cầu ly hôn, ông D đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận bà V được ly hôn ông D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Đỗ Phương D, sinh ngày 13/02/2014, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Ông D đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà V và ông D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Đỗ Thị Hải V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); điểm a khoản 5; điểm đ, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Hội đồng xét xử Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Hải V:

- Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Hải V được ly hôn ông Nguyễn Tiến D.

- Về con chung: Giao cho bà Đỗ Thị Hải V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đỗ Phương D, sinh ngày 13/02/2014, ông Nguyễn Tiến D không cấp dưỡng nuôi con chung do bà V không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con

thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tạm ứng án phí do bà V đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039746 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Đỗ Thị Hải V, ông Nguyễn Tiến D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Nhoán

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.